

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
khu Trung tâm thị trấn Đăk Mâm huyện Krông Nô
đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật chính quyền
địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Văn bản hợp nhất 16/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của
Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính
phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày
07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số
nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2013 ngày 06 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng
về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2013/TT-BXD;*

*Căn cứ Nghị định 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính
phủ về Quy định chi tiết một số điều về Luật Kiến trúc;*

*Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-
2030;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ
Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2013 của
UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk
Mâm đến năm 2030, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;*

*Xét đề nghị của UBND huyện Krông Nô tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày
15 tháng 7 năm 2022 và Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND ngày 22 tháng 7 năm*

2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp thứ 4.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm thị trấn Đắc Mâm, huyện Krông Nông đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Krông Nông hoàn chỉnh hồ sơ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm thị trấn Đắc Mâm, huyện Krông Nông đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 để tiến hành phê duyệt theo quy định. Trường hợp có sự thay đổi các chỉ tiêu nhưng không trái với các quy định của pháp luật nhằm đồng bộ với các quy hoạch khác hoặc ý kiến chuyên môn của các Sở, ngành liên quan thì giao cho UBND huyện chủ động điều chỉnh cho phù hợp và báo cáo HĐND huyện để biết tại kỳ họp gần nhất.

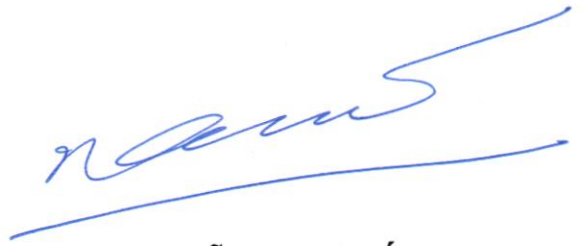
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị Quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Krông Nông khóa VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 

- Như Điều 2; 3;
- TT. HĐND Đắc Nông;
- UBND tỉnh Đắc Nông;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Huyện ủy;
- UBMTTQVN huyện;
- Các ban Đảng và VP Huyện ủy;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể huyện;
- VP HĐND và UBND huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, VP.



Nguyễn Văn Quốc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm
thị trấn Đăk Mâm huyện Krông Nô đến năm 2025
và tầm nhìn đến năm 2035**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của
Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô)*

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới

2.1. Vị trí: Khu vực lập quy hoạch nằm ở trung tâm huyện Krông Nô.

2.2. Phạm vi ranh giới:

- + Phía Đông giáp xã Nam Đà, Đăk Drô;
- + Phía Tây giáp phần còn lại của TT Đăk Mâm;
- + Phía Nam giáp xã Đăk Drô;
- + Phía Bắc giáp xã Nam Đà.

3. Quy mô quy hoạch

3.1. Quy mô diện tích quy hoạch chi tiết:

- Diện tích quy hoạch: 390,6 ha.

3.2. Quy mô Dân số:

- Quy mô dân số dự kiến: 22.968 người.

4. Chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch: Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Krông Nô.

5. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH tư vấn thiết kế Đăk Quảng.

6. Tính chất, mục tiêu, lý do lập quy hoạch

6.1. Tính chất khu vực lập quy hoạch :

Xây dựng thị trấn Đăk Mâm đạt tiêu chí đô thị loại IV và đạt chuẩn thị trấn; có vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp huyện, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

6.2. Mục tiêu lập quy hoạch:

Xây dựng thị trấn Đăk Mâm đạt tiêu chí đô thị loại IV và đạt chuẩn thị trấn; có vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp huyện, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

6.3. Lý do lập quy hoạch:

Thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô được thành lập theo nghị định số 61/1999/NĐ-CP ngày 27/07/1999 của Chính phủ, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của huyện với vị trí địa lý của thị trấn nằm trên giao lộ giữa Quốc lộ 28 và Tỉnh lộ 683, nối liền với hệ thống giao thông nội huyện tạo thành hệ thống giao thông thông suốt nối thị trấn với thành phố Gia Nghĩa, với các tỉnh bạn, với các huyện trong tỉnh. Hiện nay, Quy hoạch chung thị trấn Đăk Mâm trên diện tích 390,6ha, tuy nhiên Quy hoạch chi tiết cụ thể hóa Quy hoạch chung mới chỉ được 126,8ha, tỷ lệ phủ kín Quy hoạch chi tiết trong đô thị mới chỉ chiếm 32,4% diện tích theo Quy hoạch chung đã được phê duyệt. Quy hoạch chi tiết là cơ sở để lập các dự án đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng, là một trong những công cụ hữu hiệu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong xây dựng và phát triển đô thị. Vì vậy, việc triển khai Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Đăk Mâm đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 là rất cần thiết, nhanh chóng được triển khai với mục tiêu phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần vào quá trình phát triển chung của đô thị. Mặt khác, tạo cơ sở pháp lý cho dự án triển khai tiếp theo, góp phần nâng cao hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và chất lượng sống của người dân.

7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT					
TT	Hạng mục	Đơn vị	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn	Chỉ tiêu QH	Ghi chú
P.I	ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2035				
1	Quy mô dân số toàn huyện	Người		>80.000	
2	Diện tích quy hoạch TL 1/500	ha		390,6	
3	Dân số thị trấn Đăk Mâm.	Người		22.968	
P.II	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT HẠ TẦNG XÃ HỘI				
I	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐÔ THỊ				
1	Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	m2/người	70-100	142	
II	ĐẤT HẠ TẦNG XÃ HỘI -CẤP ĐÔ THỊ				
1	Giáo dục				
-	Trường TH phổ thông	Cháu/1000dân	40	919	cháu
		m2 đất/ 1 chỗ	10	25	m2/cháu
2	Đất cây xanh đô thị & mặt nước	m2/người	4	8,89	
3	Văn hoá thể dục thể thao				
-	Trung tâm TDTT	m2/người	0,8	2,45	
-	Nhà văn hoá	ha/công trình	0,5	1,34	
4	Chợ				

-	Chợ huyện	ha/CT/1 đô thị	1ha/1 CT	0,94	
III	HẠ TẦNG XÃ HỘI-CẤP ĐƠN VỊ Ở				
1	Giáo dục				
-	Trường mẫu giáo	Cháu/1000dân	50	1.148	cháu
		m2 đất/ 1 chỗ	12	13,31	m2/cháu
-	Trường tiểu học	Cháu/1000dân	65	1.493	cháu
		m2 đất/ 1 chỗ	10	10,24	m2/cháu
-	Trường THCS	Cháu/1000dân	55	1.263	cháu
		m2 đất/ 1 chỗ	10	9,17	m2/cháu
2	Đất cây xanh đơn vị ở	m2/người	2	3,12	
P.III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
1	Giao thông				
	- Tính đến đường liên khu vực	%	6	10,41	
	- Tính đến đường nhóm nhà	%	>18	30,93	
2	Cấp nước				
	- Cấp nước sinh hoạt	Lít/ng-ng	>80	100	
	- Công trình CC dịch vụ	Lít/m ²	2	2	
	- Trường mẫu giáo	Lít/cháu	75	75	
	- Trường tiểu học	Lít/hs	15	15	
	- Tưới cây, hoa viên	lít/m ²	3	3	
	- Nước rửa đường	lít/m ²	0,4	0,5	
	- Cấp nước PCCC	72m ³ /đám cháy	2 đám	2 đám	
3	Thoát nước và vệ sinh môi trường				
	- Thoát nước bản sinh hoạt	% nước SH	80%	80%	
	- Thoát nước bản trường học, CTCC	% nước SH	80%	80%	
	- Rác thải	Kg/ng-ngày	0,9 Kg/người	1 Kg/người	
4	Cấp điện				
	- Cấp điện sinh hoạt	W/người	330	330	
	- Cấp điện cơ quan, CTCC	W/m ² sàn	30	30	
	- Nhà trẻ mẫu giáo	Kw/cháu	0,2	0,2	
	- Trường học	Kw/hs	0,15	0,15	
	- Dịch vụ	W/m ² sàn	30	30	
	- Chiếu sáng đường phố	W/m2	1	1	
	- Hoa viên, cây xanh	W/m ²	0,5	0,5	

8. Quy hoạch sử dụng đất:

8.1. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất :

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC		Đ.VỊ	QH CHI TIẾT 1/500	
				DIỆN TÍCH	TỶ LỆ (%)
A	Quy mô diện tích quy hoạch		m2	3.906.000	100
	Quy mô dân số dự kiến		người	22.968	
I	ĐẤT DÂN DỤNG		m2	3.251.390	83,24
	1	Đất ở	m2	1.405.897	35,99
	-	Đất ở hỗn hợp - chỉnh trang đô thị	m2	457.552	
	-	Đất ở mật độ trung bình (Đất ở liền kề)	m2	747.479	
	-	Đất ở mật độ thấp (Đất ở biệt thự)	m2	200.865	
	2	Đất công trình công cộng đô thị	m2	43.213	1,11
	3	Đất công trình công cộng đơn vị ở	m2	26.917	0,69
	4	Đất giáo dục	m2	69.292	1,77
	-	Trường mầm non - mẫu giáo	m2	19.509	
	-	Trường tiểu học	m2	15.289	
	-	Trường Trung học cơ sở	m2	11.590	
	-	Trường Trung học phổ thông	m2	22.904	
	5	Đất cây xanh đô thị	m2	119.560	3,06
	6	Mặt nước	m2	169.389	4,34
	7	Đất cây xanh đơn vị ở	m2	71.735	1,84
	8	Đất trung tâm Thể dục thể thao	m2	56.294	1,44
	9	Đất thương mại dịch vụ	m2	52.929	1,36
	10	Đất công trình đầu mối - HTKT	m2	28.228	0,72
	11	Đất giao thông	m2	1.207.937	30,93
	12	Bãi đỗ xe công cộng	m2	7.670	0,20
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		m2	646.940	16,56
	1	Đất trụ sở cơ quan hành chính	m2	68.521	1,75
	2	Đất giáo dục (Trường chuyên nghiệp)	m2	16.795	0,43
	3	Đất hỗn hợp	m2	164.982	4,22
	4	Đất du lịch sinh thái	m2	271.064	6,94
	5	Đất cây xanh cách ly	m2	75.406	1,93
	6	Đất an ninh quốc phòng	m2	50.172	1,28

9. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị:

9.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các khu chức năng chính :

- Về tổng thể khu quy hoạch được chia thành 05 đơn vị ở.

- Khu trung tâm của khu ở gồm trụ sở hành chính, nhà văn hóa, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trạm y tế, cây xanh hoa viên.

- Khu trung tâm của các nhóm nhà: là công viên, hoa viên, sân vui chơi.

b) Các tuyến, trục cảnh quan và điểm nhấn không gian chính:

- Tuyến đường Quốc lộ 28 (đường Nguyễn Tất Thành) là con đường giao thông huyết mạch nối thị trấn Đắk Mâm nói riêng và huyện Krông Nô nói chung với các huyện trong tỉnh Đắk Nông và kết nối với tỉnh Đắk Lắk. Quốc lộ 28 chạy qua khu quy hoạch tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu Văn hóa – Kinh tế – Chính trị với các khu vực khác.

- Tuyến đường Tỉnh lộ 683 (đường Hùng Vương) nằm về gần phía Bắc khu vực quy hoạch là tuyến giao thông liên khu vực, kết nối khu dân cư với các khu dân cư lân cận.

- Tuyến đường Nguyễn Văn Linh là tuyến đường kết nối giữa đường Tỉnh lộ 3 (đường Hùng Vương) và đường QL28 (đường Nguyễn Tất Thành), giúp cho việc đi lại, kết nối giữa các tuyến đường được dễ dàng hơn.

- Tuyến đường D10 là tuyến đường tránh phía Đông đô thị Đắk Mâm, giúp cho việc đi lại, kết nối giữa các tuyến đường được dễ dàng hơn, giảm lưu lượng giao thông đi qua khu vực trung tâm.

c) Các cụm không gian trọng tâm:

- Cụm không gian kiến trúc và cảnh quan xung quanh hồ Đắk Mâm: Các công trình công cộng, dịch vụ thương mại hướng nhìn về mặt nước hồ Đắk Mâm với tầm nhìn thoáng.

- Cụm không gian nhà ở mật độ thấp và cảnh quan phía Bắc: Khai thác địa hình tự nhiên tạo ra không gian ở xanh mát hài hòa với thiên nhiên.

- Cụm không gian kiến trúc công cộng, nhà ở và cảnh quan tự nhiên phía Tây Bắc: Hình thành đơn vị ở mới với điểm nhấn là các công trình công cộng, được bao quanh là các nhóm nhà ở với tầm nhìn về thung lũng.

- Cụm không gian kiến trúc cảnh quan phía Nam : Hình thành cụm nhà ở mật độ thấp trên đồi, bao quanh là các khe suối và cây xanh.

- Cụm không gian kiến trúc công trình phía Đông, Đông Bắc, Tây Nam và Đông Nam: Hình thành các khu ở mới với thiết kế đường giao thông ô bàn cờ thuận tiện, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng.

9.2. Thiết kế đô thị:

Tạo ra sự hài hoà giữa không gian khu vực thiết kế và không gian xung quanh.

Chú trọng các không gian mở của hệ thống cây xanh mặt nước và khu vực các điểm nhấn kiến trúc.

Gồm các khu vực chức năng phù hợp với vị thế khu đất, phù hợp với nhu cầu phát triển đô thị.

Khung thiết kế đô thị tổng thể bao gồm:

- Tuyến cảnh quan chính: Tuyến cây xanh mặt nước trung tâm chạy dọc khu đất.

- Đường ven suối cảnh quan là trục cảnh quan của toàn khu, kết nối khu đô thị với mặt nước.

- Trục giao thông kết nối đường Hùng Vương vào trung tâm khu đất: là tuyến đường có độ chênh cao lớn, cắt ngang địa hình, tôn lên khung cảnh thiên nhiên đồi núi, mặt nước.

- Tận dụng, khai thác không gian ở dọc các trục giao thông chính của khu đô thị, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Các tuyến cảnh quan liên kết: là hệ thống đường vào các khu nhà ở, lộ giới 12m đến 15,5m.

10. Quy hoạch san nền và hạ tầng kỹ thuật

10.1. Quy hoạch san nền:

- Cao độ không chế cho từng lô được xác định bởi cao độ của các nút giao thông bao quanh.

- Đảm bảo phương án san lấp hạn chế tối đa phá vỡ địa hình tự nhiên, khối lượng đào đắp là thấp nhất.

- San nền theo nguyên tắc đảm bảo thuận lợi cho việc thoát nước tự chảy, không bị ngập úng, sạt lở.

10.2. Quy hoạch giao thông:

- Độ dốc đường thiết kế đảm bảo $>0,4\%$ để đảm bảo thoát nước theo phương pháp tự chảy.

- Hệ thống thoát nước mặt của toàn khu được xây dựng trên cơ sở bám sát đặc điểm lưu vực hiện trạng và quy hoạch san nền của khu vực, đảm bảo thoát nước theo phương pháp tự chảy.

- Hướng thoát nước chính về vùng trũng phía trung tâm khu vực, nhằm đảm bảo tiêu thoát nước nhanh nhất cho toàn khu.

- Tổ chức hệ thống đường giao thông trong khu vực cơ bản tuân thủ theo định hướng từ quy hoạch chung. Bố trí các cấp độ đường: đường chính khu vực- đường khu vực- đường phân khu vực- đường nội bộ.

- Tổ chức các đường giao thông cần bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp lớn.

- Khớp nối với các đường trong quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết lân cận đã được phê duyệt.

- Tôn trọng các đường giao thông hiện hữu trong khu vực dân cư sinh sống, từ đó có giải pháp kết nối với mạng lưới đường thiết kế mới trong nội khu. Đảm bảo giao thông thông suốt, tính kết nối thuận tiện giữa các khu trong dự án, khu lân cận và các khu vực khác của thành phố.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện trung thế 22kv được lấy từ đường dây 22kv hiện hữu chạy dọc theo đường Nơ Trang Long, đường Hùng Vương, đường Liên Xã thuộc trạm

35/10kV F12 Krông Nô công suất 5600kVA cách Đắc Mâm khoảng 2km về phía Tây Bắc.

- Điểm đầu nối: Đã có vị trí đầu nối hiện hữu trên đường Nơ Trang Long, đường Hùng Vương, đường Liên xã.

- Từ vị trí đầu nối xây dựng mới đường dây 22KV, luồn trong ống gân xoắn HDPE 130/100 đi trong mương cáp và hào kỹ thuật qua đường, dẫn điện đến trạm biến áp, cấp điện cho các khu chức năng trong khu vực quy hoạch.

- Hệ thống cáp điện chiếu sáng sử dụng đường dây cáp CXV/DSTA-3x25+1x16, luồn trong ống gân xoắn HDPE 80/65 đi trong hào kỹ thuật và mương cáp, dọc theo các tuyến đường trong khu vực quy hoạch.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Đảm bảo cung cấp đủ lưu lượng nước tới mọi đối tượng dùng nước.

- Đảm bảo cấp nước liên tục.

- Chọn đường kính ống, vật liệu ống một cách hợp lý, hiệu quả về kinh tế.

10.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải khu vực quy hoạch được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn tại hộ gia đình và các hạng mục công trình, sau đó tiếp tục được đưa về các trạm xử lý nước thải cục bộ của từng lưu vực để xử lý, nước thải sau khi xử lý xong đạt chuẩn sẽ được xả ra các nguồn tiếp nhận xung quanh khu vực quy hoạch.

- Khu nhà ở, chừa sẵn các lỗ chờ đổ mố ống từ các khu nhà ở vào hệ thống, tránh đục phá bừa bãi, gây mất vệ sinh khi hệ thống đi vào vận hành.

- Hệ thống vận chuyển dùng ống nhựa HDPE đường kính D225, D315.

- Bố trí độ dốc tuyến ống thoát nước thải theo độ dốc tim đường giao thông, để thuận lợi cho việc đưa nước về trạm xử lý của khu vực quy hoạch.

- Thu gom, vận chuyển và xử lý 100% tổng lượng chất thải rắn phát sinh tại khu vực quy hoạch, trong đó ưu tiên cho việc tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp.

- Bố trí các trạm xử lý nước thải đảm bảo đủ diện tích và các khoảng cách ly theo tiêu chuẩn quy định.

10.6. Quy hoạch thông tin liên lạc :

- Tín hiệu cáp quang được lấy tại tổng đài gần nhất, vị trí chờ đầu nối tại đường Hùng Vương và Nơ Trang Long.

- Từ vị trí chờ đầu nối kéo đường cáp quang 12FO đến tủ phối quang cấp 1 (tủ 48FO).

- Từ tủ phối quang cấp 1 kéo các đường dây 4FO; 8FO đến các hộp phối quang cấp 2.

- Từ các hộp phối quang cấp 2, cấp cho từng hạng mục trong khu vực quy hoạch.

10.7. Quy hoạch thoát nước mưa

- Tuân thủ các chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật, giữ ổn định nền xây dựng.

- Lựa chọn độ dốc cống thỏa mãn: $i_{\min} \geq 1/D$ và phụ thuộc vào độ dốc địa hình.

- Phù hợp với cao độ nền.
 - Thuận tiện cho việc bố trí các công trình kiến trúc.
 - Khoảng cách vệ sinh từ cống thoát nước mưa đến các công trình khác lấy.
-